TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NHO QUAN** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**
Bản án số: 43/2021/HNGĐ-ST Ngày: 15/9/2021 *V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.*	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHO QUAN - NINH BÌNH

Thành phần HĐXX sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hứa Công Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Phiếu.
2. Ông Bùi Khắc Thái.

Thư ký phiên toà: Ông Bùi Quang Trung - Thư ký viên toà án nhân dân huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Đào Sỹ Kiều - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 14 và 15/9/2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 121/2021/TLST- HNGĐ ngày 11/6/2021 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2021/QĐXXST - DS ngày 30/8/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị L, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Thôn Đ B, xã QL, huyện NQ, tỉnh Ninh Bình.

2. Bị đơn: Anh Bùi Văn P, sinh năm 1982.

Đăng ký HKTT: Thôn Đ T, xã SH, huyện NQ, tỉnh Ninh Bình.

Địa chỉ chỗ ở hiện nay: Thôn Đ T, xã QL, huyện NQ, tỉnh Ninh Bình.

(Chị L, anh P, có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 10/6/2021 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Nho Quan, nguyên đơn chị L trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Giữa anh Bùi Văn P và chị Bùi Thị L có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã SH, huyện NQ, tỉnh Ninh Bình trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện vào tháng 12/2005. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống tại thôn Đ T, xã QL, huyện NQ, tỉnh Ninh Bình. Cuộc sống vợ chồng hạnh P được thời gian 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là quá trình sống chung bất đồng quan điểm sống, sau thời gian đi xuất khẩu lao động trở về nhà vợ chồng không hàn gắn được tình cảm. Bản thân anh P không chăm lo cho gia đình, vợ con, anh P còn có hành vi bạo lực với chị, nên vợ chồng không hòa thuận, chị

nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự sâu sắc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị L đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi Văn P.

2. Về con chung: Vợ chồng chị có 2 con chung, cháu lớn là Bùi Đức V, sinh ngày 15/7/2006; cháu thứ hai là Bùi Thị HH, sinh ngày 07/11/2007. Hiện nay 2 cháu đang ở với anh P. Nếu được ly hôn chị L có nguyện vọng được nuôi con chung là cháu HH, còn cháu Đức V sẽ để anh P nuôi dưỡng, các bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Trường hợp nguyện vọng của hai cháu ở với bố thì tôi cũng đồng ý.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị L xác định có tài chung là ngôi nhà ba tầng trên diện tích đất tại thửa 1228, tờ bản đồ 01 xã QL, ban đầu chị đề nghị giải quyết, sau đó chị có đơn rút yêu cầu về việc chia tài sản chung để vợ chồng thỏa thuận để lại cho con chung. Vì vậy, chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Bùi Văn P đã được tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng để anh P biết để thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Tại bản tự khai, trong quá trình hòa giải, và tại phiên tòa, anh P thừa nhận nguyên nhân, điều kiện kết hôn, con chung như chị L trình bày là đúng. Về tình cảm anh không muốn ly hôn, nhưng nếu chị L nhất quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý. Về con chung anh nhận nuôi cả hai con chung. Đề nghị tòa án xem xét để chị L cấp dưỡng nuôi con theo quy định. Về tài sản anh không đề nghị tòa án xem xét.

Tại biên bản xác minh ngày 09/7/2021 UBND xã QL, huyện NQ xác nhận thông tin về mối quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung của vợ chồng đúng như chị L và anh P trình bày. Đề nghị tòa án căn cứ pháp luật giải quyết.

Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên:

* Về thủ tục tố tụng:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện và chấp hành quyền và nghĩa vụ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

* Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 5; Điều 147; Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, 84, 110, 116 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử, xử ly hôn giữa chị Bùi Thị L và anh Bùi Văn P.

- Về con chung: Giao cháu Bùi Đức V, sinh ngày 15/7/2006 và cháu Bùi Thị HH, sinh ngày 7/11/2007, cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị L cấp dưỡng nuôi con cho cháu H theo quy định của pháp luật.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Miễn án phí sơ thẩm cho **c**hị L .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại thôn ĐT, xã SH, huyện N, tỉnh Ninh Bình (chỗ ở hiện tại: Thôn ĐT, xã QL, huyện N, tỉnh Ninh Bình). Tòa án nhân dân huyện N đã căn cứ vào khoản 1 Điều 28 và khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị L và anh Bùi Văn P tự nguyện đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã SH, huyện N, tỉnh Ninh Bình cấp Giấy chứng nhận kết hôn năm 2005. Do vậy hôn nhân giữa chị L và anh P được công nhận là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống vợ chồng chị L và anh P hạnh P được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính dẫn tới mâu thuẫn là vợ chồng không hợp nhau về tính cách, bản thân anh P không chăm lo cho gia đình là nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân nhiều năm không ai quan tâm tới ai nữa. Anh P có nguyện vọng hòa giải đoàn tụ nhưng bản thân anh cũng không đưa ra được giải pháp để vợ chồng hàn gắn tình cảm. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh P mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại buổi hòa giải ngày 30/8/2021 và tại phiên tòa, anh P có quan điểm nếu chị L giải quyết đơn phương ly hôn thì đó là quyền của chị L, đề nghị tòa giải quyết theo quy định của pháp luật. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Thị L là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[3]. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Vợ chồng chị L, anh P có hai con chung. Nguyện vọng chị L khi ly hôn được nuôi dưỡng cháu HH, còn cháu Đức V để anh P nuôi dưỡng. Xét thấy, tại biên bản ghi lời khai của hai cháu V và H nguyện vọng của hai cháu muốn được ở với bố khi bố mẹ cháu ly hôn. Hội đồng xét xử thấy rằng kể từ khi sống ly thân hai cháu V và H được anh P trực tiếp chăm sóc, để đảm bảo sự ổn định cuộc sống của hai cháu và theo nguyện vọng của các cháu, cần giao hai cháu V và H cho anh P tiếp tục nuôi dưỡng. Về mức cấp dưỡng nuôi con, Chị L, anh P đều là lao động tự do thu nhập không cao tại địa bàn, theo xác minh tại địa phương, mức thu nhập của lao động tự do là 250.000 đồng/ người/ ngày. Vì vậy, cần chấp nhận mức cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu tối thiểu của anh P, chị L phải cấp dưỡng nuôi cháu H là 1.490.000 đồng/1 tháng kể từ tháng 10/2021 cho đến khi có thay đổi khác.

[4]. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị L và anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Đối với yêu cầu ban đầu về giải quyết việc chia tài sản chung của chị L. Trong quá trình giải quyết vụ án chị L có đơn yêu cầu rút yêu cầu về phần chia tài sản chung. Đây là quyền yêu cầu của nguyên đơn, theo quy định tại khoản 2 Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu chia tài sản chung của nguyên đơn là phù hợp với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và giải đáp của Tòa án nhân dân tối cao.

[6]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Do nguyên đơn là người dân tộc thiểu số nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Điều 5; Khoản 2 Điều 71, Điều 147; Điều 227, Điều 266, Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 357, 468 Bộ luật dân sự; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị L. Chị Bùi Thị L được ly hôn anh Bùi Văn P.

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Đức V, sinh ngày 15/7/2006 và cháu Bùi Thị HH, sinh ngày 07/11/2007 cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng, kể từ tháng 10/2021 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc đến khi có thay đổi khác. Chị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.490.000 đồng/tháng, kể từ tháng 10/2021 cho đến khi cháu Hà đủ 18 tuổi hoặc khi có thay đổi khác.

Kể từ ngày anh P có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị L không thanh toán hết số tiền phải thi hành án về cấp dưỡng, thì hàng tháng chị L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự. Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Đình chỉ việc giải quyết phần yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung của chị Bùi Thị L.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Miễn án phí sơ thẩm cho chị Bùi Thị L

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Ninh Bình;*
- *VKSNQ tỉnh Ninh Bình;*
- *VKSND huyện Nho Quan;*
- *THADS huyện Nho Quan;*
- *UBND xã SH;*
- *Đương sự;*
- *Lu./.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(đã ký)

HỨA CÔNG NGUYÊN